ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KINH DOANH

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

Năm 2022

Thái Nguyên, 2022

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Mã ngành: 7340101

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Thông tin kiểm định CTĐT:

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu của CTĐT (Program Objectives - POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh (QTKD) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn, kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh để tạo lập, điều hành, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực, chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới nhằm phát triển các cơ sở kinh doanh, các tổ chức kinh tế và có thể trở thành nhà quản trị đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1. Đào tạo cử nhân QTKD có kiến thức lý thuyết và thực tiễn để tạo lập, điều hành, phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của các cơ sở kinh doanh, các tổ chức kinh tế trong điều kiện hội nhập.

PO2. Đào tạo cử nhân QTKD có kỹ năng để hoàn thành công việc; tự học, tự nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

PO3. Hình thành cho người học lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, thái độ làm việc chuyên nghiệp, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới để nâng cao năng lực và trình độ.

2. CĐR của CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)

2.1. Nội dung CĐR của CTĐT

Ký hiệu	CĐR CTĐT	Trình độ năng lực
PLO1	**Kiến thức**	
1.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lý luận chính trị và hệ thống pháp luật Việt Nam vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và cuộc sống.	3
1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng lý luận để nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề kinh doanh, ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh và các tổ chức kinh tế.	3
1.3	Áp dụng các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu công việc trong quản trị kinh doanh.	3
1.4	Vận dụng được các kiến thức của ngành và chuyên ngành để tạo lập, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực trong các cơ sở kinh doanh và các tổ chức kinh tế.	3
1.5	Phân tích được thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh.	4
PLO2	**Kỹ năng - S**inh viên tốt nghiệp CTĐT QTKD đạt được các kỹ năng sau:	
2.1	Sử dụng ngoại ngữ để trình bày quan điểm, ý kiến cá nhân, xử lý các tình huống thông thường trong công việc và cuộc sống. Đạt chuẩn về ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.	3
2.2	Giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm, tiếp cận và tìm hiểu kiến thức mới, quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học trong kinh doanh.	3
2.3	Lãnh đạo, truyền đạt các vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức và kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh.	3
2.4	Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; tạo lập quan hệ và hợp tác trong công việc kinh doanh.	4
2.5	Phản biện và đề xuất các giải pháp thay thế trong điều kiện	3

Ký hiệu	CĐR CTĐT	Trình độ năng lực
	môi trường kinh doanh thay đổi; phân tích được môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.	
2.6	Thành thạo một số nghiệp vụ như: tổ chức cuộc họp, soạn thảo các văn bản, hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh.	3
PLO3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**	
3.1	Có ý thức rèn luyện sức khoẻ để duy trì và nâng cao thể lực, đáp ứng yêu cầu của công việc. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Có ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ làm việc chuyên nghiệp, chịu được áp lực và thích ứng với công việc trong điều kiện hội nhập quốc tế.	3
3.2	Có khả năng định hướng nghề nghiệp, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh; tự học tập, chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát huy thế mạnh của bản thân.	3
3.3	Có khả năng tổng hợp và đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp trong kinh doanh.	4
3.4	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh.	4

2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

2.2.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

***Nhóm 1 – Nhân viên và cán bộ quản lý kinh doanh**

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân QTKD có đủ năng lực để khởi nghiệp và/hoặc làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; đảm đương tốt công việc của cán bộ, nhân viên tại các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành các doanh nhân hoặc các nhà quản lý cấp cao tại các doanh nghiệp.

***Nhóm 2 – Chuyên viên tư vấn - hoạch định chính sách**

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân QTKD có đủ năng lực làm việc tại các bộ, sở, ban, ngành và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, các tổ chức tư vấn về quản trị kinh doanh; có thể đảm đương tốt các công việc: tư vấn viên, trợ lý phân tích, tư vấn hoạch

định và xây dựng chính sách phát triển hoạt động kinh doanh của một địa phương, khu vực. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo, quản lý trong các tổ chức kinh tế - xã hội.

2.2.2. Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành QTKD có đủ năng lực để học Thạc sĩ QTKD, Tiến sĩ QTKD.

2.3. Ma trận đáp ứng của CĐR với Mục tiêu CTĐT, Khung trình độ quốc gia và Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường

2.3.1. Ma trận đáp ứng của CĐR CTĐT với Mục tiêu cụ thể của CTĐT

Mối liên hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT QTKD cho biết sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các CĐR của CTĐT, thể hiện tại bảng 2.1.

Bảng 2.1: Quan hệ giữa CĐR CTĐT với Mục tiêu cụ thể của CTĐT

Mục tiêu cụ thể của CTĐT	CĐR của CTĐT														
	PLO					PLO2						PLO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
PO1	x	x	x	x	x										
PO2						x	x	x	x	x	x				
PO3												x	x	x	x

2.3.2. Ma trận đáp ứng của CĐR CTĐT so với yêu cầu CĐR trong Khung trình độ quốc gia (bậc 6)

Ma trận đáp ứng của CĐR CTĐT QTKD so với yêu cầu CĐR trong Khung trình độ quốc gia (bậc 6) được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2: Quan hệ giữa CĐR CTĐT và yêu cầu CĐR trong Khung trình độ quốc gia (bậc 6)

Khung trình độ quốc gia	CĐR CTĐT QTKD
Kiến thức	
Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	1.2;1.4;1.5
Kiến thức liên ngành có liên quan.	1.1;1.3
Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	1.2;1.4
Kỹ năng	
Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin	2.4

để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.	
Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	2.2;2.3
Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	2.4;2.5;2.6
Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	
Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	2.1
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.	3.2
Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.	3.1; 3.2
Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	3.3
Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	3.4

2.3.3. Mối tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục của Trường

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và QTKD: **Sáng tạo - Thực tiễn - Hội nhập**

Mối tương thích giữa CĐR CTĐT QTKD với Triết lý giáo dục của Trường được thể hiện trong Bảng 2.3.

Bảng 2.3: Mối tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục của Trường

Nội dung Triết lý giáo dục của Trường		**CĐR CTĐT QTKD**
Sáng tạo	Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp	3.2
Thực tiễn	Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người	1.1;1.2;1.3;1.4;1.5; 2.1;2.2;2.3;2.4;2.5;2.6 3.1;3.3;3.4;3.5
Hội nhập	Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững	1.1;1.2;1.3;1.4;1.5; 2.1;2.2;2.3;2.4;2.5;2.6 3.1;3.2;3.3;3.4;3.5

2.3.4. Ma trận đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn nghề nghiệp và tầm nhìn, sứ mạng của Trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

2.3.4.1. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh: "Trở thành một trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý".

Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh xác định sứ mạng của Nhà trường là: "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước".

2.3.4.2. Ma trận đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của Trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Ma trận đáp ứng của CĐR CTĐT QTKD đối với các tiêu chuẩn nghề nghiệp và tầm nhìn, sứ mạng của Trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động được thể hiện trong bảng 2.4.

Bảng 2.4: Quan hệ giữa CĐR của CTĐT QTKD với các tiêu chuẩn nghề nghiệp, tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

CĐR CTĐT		**Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường**	**Yêu cầu của nhà sử dụng lao động**
PLO1	1.1	R	R
	1.2	R	R
	1.3	M	R
	1.4	M	M
	1.5	M	R
PLO2	2.1	M	R
	2.2	M	R
	2.3	M	R
	2.4	M	R
	2.5	M	R
	2.6	M	R

CĐR CTĐT		Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
PLO3	3.1	M	M
	3.2	M	R
	3.3	M	R
	3.4	M	R

2.4. Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục 1)

(Hướng dẫn của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục)

3. Chuẩn đầu vào của CTĐT

Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường ĐH Kinh tế và QTKD.

4. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

4.1. Quá trình đào tạo

CTĐT QTKD của trường ĐH Kinh tế và QTKD được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022 (Khóa 19), được thiết kế theo hệ thống tín chỉ cho phép người học linh hoạt trong kế hoạch học tập, từ đó có thể tốt nghiệp trong thời gian 3,5 - 8 năm, tổng số tín chỉ của CTĐT QTKD là 125 tín chỉ.

4.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện chung: Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh ban hành theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều kiện của CTĐT: Không

5. Chương trình dạy học

5.1. Cấu trúc CTDH

5.1.1. Cấu trúc CTDH

Cấu trúc CTDH của CTĐT QTKD gồm hai phần: Khối kiến thức giáo dục đại cương, Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối kiến thức được cụ thể trong Bảng 5.1.

Bảng 5.1: Các khối kiến thức và số tín chỉ

TT	Tên khối kiến thức	Số TC	
		Bắt buộc	Tự chọn

1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	32	0
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	60	33
2.1	*Kiến thức cơ sở ngành*	*24*	*6*
2.2	*Kiến thức ngành*	*15*	*9*
2.3	*Kiến thức chuyên ngành*	*15*	*12*
2.4	*Thực tập nghề nghiệp/môn học*	*2*	
2.5	*Thực tập tốt nghiệp*	*4*	
2.6	*KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận CTĐT QTKD*		*6*
	Tổng toàn khóa	92	33

Các khối kiến thức được thiết kế nhằm đáp ứng được CĐR của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 5.2.

Bảng 5.2: Ma trận giữa các khối kiến thức và CĐR CTĐT QTKD

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD														
				1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
1	**Khối Kiến thức giáo dục đại cương**	**32**	**25.6**	M		M			M	R				I	M			
2	**Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**93**	**74.4**															
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	24	I	M	I		I		I	R	I	I		R	I	R	R
2.2	Kiến thức ngành	24	19.2			R	M	I		M	R	M	M	R	R	R	M	M
2.3	Kiến thức chuyên ngành	27	21.6			R	M	I		R	M	M	M	M	R	R	M	M
2.4	Thực tập nghề nghiệp/môn học	2	1.6			R	R	R		R	I	R	R	R	R	R	R	R
2.5	Thực tập tốt nghiệp	4	3.2			R	R	M		R	R	R	R	R	M	M	R	R
2.6	KLTN/Tự chọn thay	6	4.8				R	R		R	R	M	R	R	R	R	R	R

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD														
				1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
	thế khóa luận																	
Tổng cộng		**125**																

Danh sách các học phần giảng dạy trong CTĐT QTKD và các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành của học phần được thể hiện trong bảng 5.3.

Bảng 5.3: Học phần giảng dạy trong CTĐT QTKD và các học phần tiên quyết/học trước/song hành của học phần

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Mã học phần tiên quyết	Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
1. Khối Kiến thức đại cương			**32**			
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin	3			
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		MLP131	
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	MLP131,MLE121		
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP131,MLE121,SSO121		
5	VCP121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		MLP131,MLE121,SSO121,HCM121	
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2			
7	AIN131	Tin học ứng dụng	3			
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê	3			
9	MAE131	Toán kinh tế	3			
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2			
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2		ENG121	
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2		ENG122	
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2		ENG123	
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2		ENG124	
15	PHE111	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			
16	PHE112	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE111		
17	PHE113	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE111	PHE112	
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**93**			
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**30**			
	Bắt buộc		***24***			
19	MIE231	Kinh tế học vi mô 1	3			

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Mã học phần tiên quyết	Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
20	MAN231	Quản trị học	3			
21	MAE231	Kinh tế học vĩ mô 1	3			
22	PMA231	Marketing căn bản	3			
23	FAM231	Tài chính - tiền tệ	3			
24	PSE231	Nguyên lý thống kê	3		PST131	
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3			
26	MDM231	Ra quyết định quản trị	3		MIE231,MAE231,PMA231	
	Tự chọn		***6***			
27		*Tổ hợp 1*	*3*			
	ECO231	Kinh tế lượng	3		PST131,MIE231, MAN231	
	MIS231	Hệ thống thông tin trong quản lý	3		MIE231,MAE231	
28		*Tổ hợp 2*	*3*			
	ELA231	Luật Kinh tế căn bản	3		LAW121	
	LGS331	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	3		LAW121	
	LOB331	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3		LAW121	
	WBM231	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	3		LAW121,ELA231	
2.2.	**Kiến thức ngành**		***24***			
	Bắt buộc		***15***			
29	STM331	Quản trị chiến lược	3		MIE231,MAE231,PMA231,MAN231	
30	FIM331	Quản trị tài chính	3		MAN231, ACT231	
31	HRM331	Quản trị nhân lực	3		MIE231,MAE231,PMA231,MAN231	
32	ECM331	Thương mại điện tử	3		MIE231,MAE231,PMA231	
33	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		PMA231,FAC331	
	Tự chọn		***9***			
34		*Tổ hợp 1*				
	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3		PMA231	
	CCM331	Quản trị đa văn hoá	3		MIE231,MAE231	
35		*Tổ hợp 2*				
	ENS231	Thống kê doanh nghiệp	3		MIE231,MAE231, PSE231	
	ECS231	Thống kê kinh tế	3		PST131, PSE231	
36		*Tổ hợp 3*				
	MAS331	Kỹ năng quản trị			MIE231,MAE231, PMA231	
	CIB331	Giao tiếp trong kinh doanh	3		MAN231	
2.3	**Kiến thức chuyên ngành**		***27***			

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Mã học phần tiên quyết	Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
	Bắt buộc		***15***			
37	OAM331	Quản trị hành chính văn phòng	3		MAN231	
38	ETM331	Quản trị doanh nghiệp	3	MAN231	MIE231,MAE231, PMA231	
39	FAC331	Kế toán tài chính	3		ACT231	
40	QUA331	Quản trị chất lượng	3	MAN 231	STM331,ETM331, HRM331,MDM231	
41	PRM331	Quản trị dự án	3		FAM231	
	Chọn 2 tổ hợp (mỗi tổ hợp chọn 2HP)		***12***			
42		*Tổ hợp 1*				
	PMA331	Quản trị sản xuất	3		MAN231,PSE231	
	SCM331	Quản trị chuỗi cung ứng			MIE231,MAE231,PMA231,MAN231	
	MTI331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3		MIE231,MAE231,PMA231	
43		*Tổ hợp 2*				
	MAM331	Quản trị marketing		PMA231		
	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	MIE231,MAE231		
	SAM331	Quản trị bán hàng	3	PMA231		
	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	PMA231		
44		*Tổ hợp 3*				
	FTT331	Kỹ thuật NV ngoại thương				
	PCU331	Nghiệp vụ hải quan				
	LOM331	Quản trị logistics				
45		*Tổ hợp 4*				
	STT331	Thuế			FAM231	
	AIS331	Hệ thống thông tin kế toán		AIN131, ACT231	MAA331	
	MAA331	Kế toán quản trị	3	ACT231	MAN231	
2.4	**BAD421**	**Thực tập môn học CTĐT QTKD**	***2***		STM331,ETM331,HRM331	
2.5	**BAD441**	**Thực tập tốt nghiệp CTĐT QTKD**	***4***			
2.6	**BAD904**	**KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận CTĐT QTKD**	***6***			
46		*Tổ hợp 1*				
	CBM331	Quản trị kinh doanh thương mại	3		MIE231,MAE231,PMA231,MAN231	
	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3		MIE231,MAE231,PMA231,MAN231	
47		*Tổ hợp 2*				
	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3		MIE231,MAE231,PMA231	
	BUP331	Lập kế hoạch kinh doanh	3	ACT231, PMA231,ETM331	MAN231, MIE231	

Trong đó:

- Học phần tiên quyết: *Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, nghĩa là sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.*

- Học phần học trước: *Học phần A là học phần học trước của học phần B khi điều kiện bắt buộc để học học phần B là sinh viên đã đăng ký và học học phần A ở học kỳ trước đó. Sinh viên được phép học học phần B tiếp sau học phần A.*

- Học phần song hành: *Học phần B là học phần song hành đối với học phần A khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học học phần A. Sinh viên được phép học học phần B đồng thời hoặc có thể sau học phần A.*

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và QTKD được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT QTKD tại bảng 5.4.

Bảng 5.4: Ma trận quan hệ giữa CTĐT QTKD với Triết lý giáo dục của Trường

CTĐT QTKD		**Triết lý giáo dục của Trường ĐH Kinh tế và QTKD**		
		Sáng tạo	**Thực tiễn**	**Hội nhập**
I. Khối kiến thức đại cương				
	- Triết học Mác - Lênin - Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Pháp luật đại cương - Tin học ứng dụng - Lý thuyết xác suất và thống kê - Toán kinh tế - Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh 3 - Tiếng Anh 4 - Tiếng Anh 5		x	x
	- Giáo dục thể chất 1 - Giáo dục thể chất 2 - Giáo dục thể chất 3 - Giáo dục quốc phòng		x	x

CTĐT QTKD		Triết lý giáo dục của Trường ĐH Kinh tế và QTKD		
		Sáng tạo	**Thực tiễn**	**Hội nhập**
I. Khối kiến thức đại cương				
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành	**Bắt buộc:** - Kinh tế học vi mô 1 - Quản trị học - Kinh tế học vĩ mô 1 - Marketing căn bản - Tài chính - tiền tệ - Nguyên lý thống kê - Nguyên lý kế toán - Ra quyết định quản trị	x	x	x
	Tự chọn: *Tổ hợp 1* - Kinh tế lượng - Hệ thống thông tin trong quản lý *Tổ hợp 2* - Luật Kinh tế căn bản - Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ - Pháp luật về chủ thể kinh doanh - Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	x	x	x
Kiến thức ngành	**Bắt buộc:** - Quản trị chiến lược - Quản trị tài chính - Quản trị nhân lực - Thương mại điện tử - Phân tích hoạt động kinh doanh	x	x	x
	Tự chọn: *Tổ hợp 1* - Đạo đức kinh doanh và VH DN - Quản trị đa văn hoá	x	x	x

CTĐT QTKD		Triết lý giáo dục của Trường ĐH Kinh tế và QTKD		
		Sáng tạo	**Thực tiễn**	**Hội nhập**
I. Khối kiến thức đại cương				
	Tổ hợp 2 - Thống kê doanh nghiệp - Thống kê kinh tế *Tổ hợp 3* - Kỹ năng quản trị - Giao tiếp trong kinh doanh			
Kiến thức chuyên ngành	**Bắt buộc:** - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị doanh nghiệp - Kế toán tài chính - Quản trị chất lượng - Quản trị dự án	x	x	x
	Tự chọn: *Tổ hợp 1* - Quản trị sản xuất - Quản trị chuỗi cung ứng - Quản trị công nghệ và đổi mới *Tổ hợp 2* - Quản trị marketing - Kinh doanh quốc tế - Quản trị bán hàng - Quản trị quan hệ khách hàng *Tổ hợp 3* - Kỹ thuật NV ngoại thương - Nghiệp vụ hải quan - Quản trị logistics *Tổ hợp 4* - Thuế - Hệ thống thông tin kế toán - Kế toán quản trị	x	x	x
Thực tập môn học	- Quản trị chiến lược - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị nhân lực	x	x	x

CTĐT QTKD		Triết lý giáo dục của Trường ĐH Kinh tế và QTKD		
		Sáng tạo	Thực tiễn	Hội nhập
I. Khối kiến thức đại cương				
Thực tập tốt nghiệp		x	x	x
Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp: *Tổ hợp 1* - Quản trị kinh doanh thương mại - Quản trị DN nhỏ và vừa *Tổ hợp 2* - Khởi sự kinh doanh - Lập kế hoạch kinh doanh	x	x	x

5.1.2. Kế hoạch đào tạo

Kế hoạch đào tạo theo năm học và theo học kỳ của CTĐT QTKD được thể hiện trong bảng 5.5.

Bảng 5.5: Kế hoạch đào tạo theo năm học và theo học kỳ của CTĐT QTKD

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. Khối Kiến thức đại cương			**32**										
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin	3	36	18	3							
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2				
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2			
5	VCP121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24	12						2		
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	AIN131	Tin học ứng dụng	3	36	18	3							
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	36	18	3							
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	PHE111	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE112	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE113	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**93**										

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**30**										
	Bắt buộc		***24***										
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18		3						
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3						
22	PMA231	Marketing căn bản	3	36	18		3						
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3					
24	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
26	MDM231	Ra quyết định quản trị	3	36	18			3					
	Tự chọn		***6***										
27		*Tổ hợp 1*						3					
	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18								
	MIS231	Hệ thống thông tin trong quản lý	3	36	18								
28		*Tổ hợp 2*							3				
	ELA231	Luật Kinh tế căn bản	3	36	18								
	LGS331	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	3	36	18								
	LOB331	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	36	18								
	WBM231	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	3										
2.2.	**Kiến thức ngành**		***24***										
	Bắt buộc		***15***										
29	STM331	Quản trị chiến lược	3	36	18					3			
30	FIM331	Quản trị tài chính	3	36	18							3	
31	HRM331	Quản trị nhân lực	3	36	18					3			
32	ECM331	Thương mại điện tử	3	36	18				3				
33	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	36	18							3	
	Tự chọn		***9***										
34		*Tổ hợp 1*							3				
	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	36	18								
	CCM331	Quản trị đa văn hoá	3	36	18								
35		*Tổ hợp 2*							3				
	ENS231	Thống kê doanh nghiệp	3	36	18								
	ECS231	Thống kê kinh tế	3	36	18								
36		*Tổ hợp 3*								3			
	MAS331	Kỹ năng quản trị											
	CIB331	Giao tiếp trong kinh doanh	3	36	18								
2.3	**Kiến thức chuyên ngành**		***27***										
	Bắt buộc		***15***										
37	OAM331	Quản trị hành chính văn phòng	3	36	18						3		
38	ETM331	Quản trị doanh nghiệp	3	36	18					3			
39	FAC331	Kế toán tài chính	3	36	18						3		
40	QUA331	Quản trị chất lượng	3	36	18							3	
41	PRM331	Quản trị dự án	3	36	18						3		
	Chọn 2 tổ hợp (mỗi tổ hợp chọn 2HP)		***12***								***3***	***9***	
42		*Tổ hợp 1*											
	PMA331	Quản trị sản xuất	3	36	18								
	SCM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3										
	MTI331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	36	18								
43		*Tổ hợp 2*											

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
	MAM331	Quản trị marketing	3										
	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	36	18								
	SAM331	Quản trị bán hàng	3	36	18								
	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	36	18								
44		*Tổ hợp 3*											
	FTT331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3										
	PCU331	Nghiệp vụ hải quan	3										
	LOM331	Quản trị logistics	3										
45		*Tổ hợp 4*											
	STT331	Thuế	3										
	AIS331	Hệ thống thông tin kế toán	3										
	MAA331	Kế toán quản trị	3	36	18								
2.4	**BAD421**	**Thực tập môn học CTĐT QTKD**	***2***								***2***		
2.5	**BAD441**	**Thực tập tốt nghiệp CTĐT QTKD**	***4***										***4***
2.6	**BAD904**	**KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận CTĐT QTKD**	***6***										***6***
46		*Tổ hợp 1*											
	CBM331	Quản trị kinh doanh thương mại	3	36	18								x
	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3	36	18								
47		*Tổ hợp 2*											
	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	36	18								x
	BUP331	Lập kế hoạch kinh doanh	3										
Tổng tín chỉ toàn khóa			**125**			**16**	**16**	**17**	**16**	**16**	**16**	**18**	**10**

Ghi chú: Các học phần Thực tập môn học bao gồm: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực

Trình tự nội dung chương trình và bản đồ CTDH được thể hiện trong Sơ đồ 5.1.

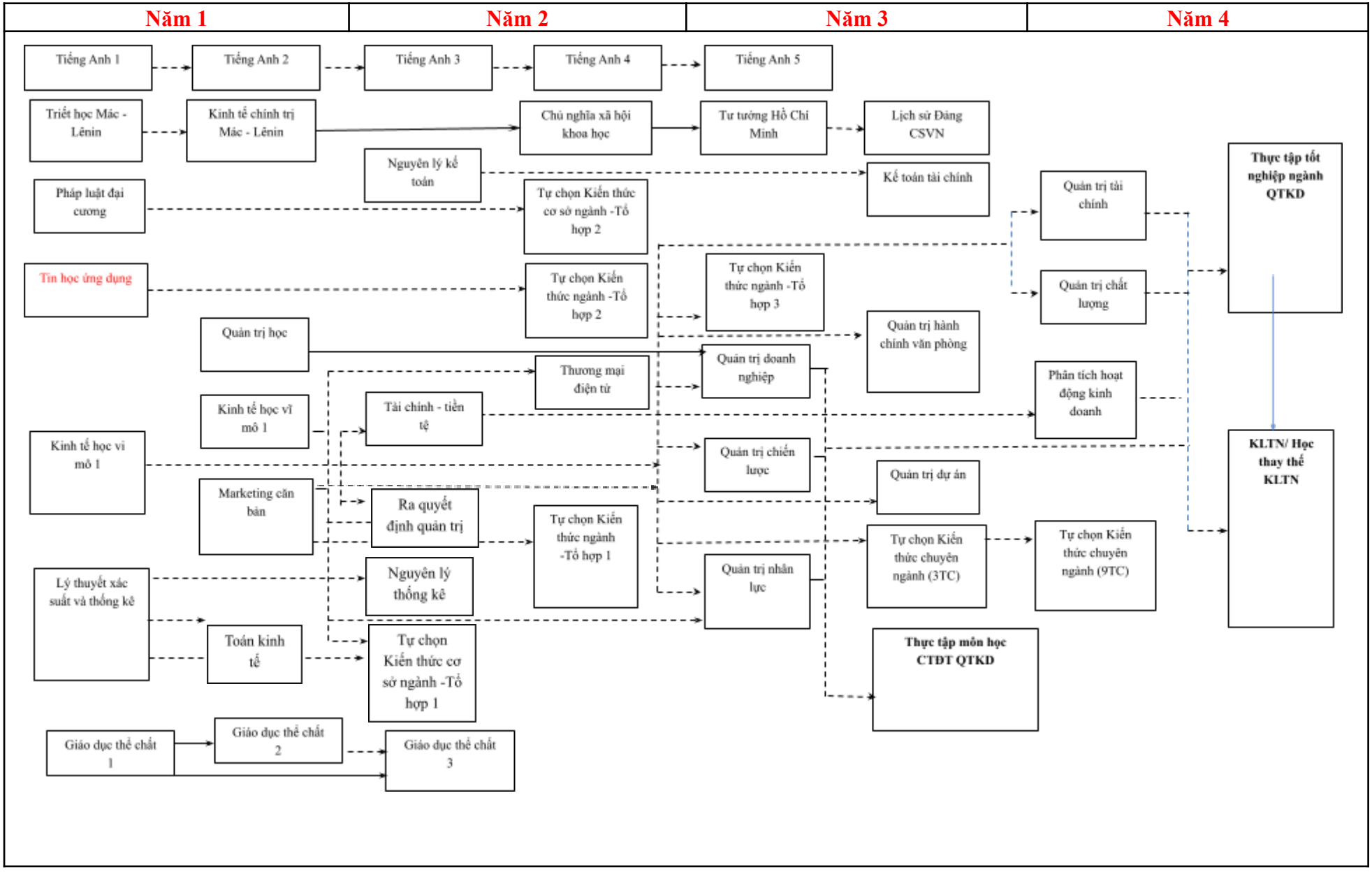
Năm 1
Năm 2
Năm 3
Năm 4
Tiếng Anh 1
Tiếng Anh 2
Tiếng Anh 3
Tiếng Anh 4
Tiếng Anh 5
Triết học Mác - Lênin
Kinh tế chính trị Mác - Lênin
Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tư tưởng Hồ Chí Minh
Lịch sử Đảng CSVN
Nguyên lý kế toán
Kế toán tài chính
Pháp luật đại cương
Tự chọn Kiến thức cơ sở ngành -Tổ hợp 2
Quản trị tài chính
Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD
Tin học ứng dụng
Tự chọn Kiến thức ngành -Tổ hợp 2
Tự chọn Kiến thức ngành -Tổ hợp 3
Quản trị chất lượng
Quản trị học
Quản trị hành chính văn phòng
Thương mại điện tử
Quản trị doanh nghiệp
Phân tích hoạt động kinh doanh
Kinh tế học vĩ mô 1
Tài chính - tiền tệ
Kinh tế học vi mô 1
Quản trị chiến lược
KLTN/ Học thay thế KLTN
Marketing căn bản
Ra quyết định quản trị
Quản trị dự án
Tự chọn Kiến thức ngành -Tổ hợp 1
Tự chọn Kiến thức chuyên ngành (3TC)
Tự chọn Kiến thức chuyên ngành (9TC)
Lý thuyết xác suất và thống kê
Nguyên lý thống kê
Quản trị nhân lực
Toán kinh tế
Tự chọn Kiến thức cơ sở ngành -Tổ hợp 1
Thực tập môn học CTĐT QTKD
Giáo dục thể chất 1
Giáo dục thể chất 2
Giáo dục thể chất 3

16TC	**16 TC**	**17 TC**	**16 TC**	**16 TC**	**16 TC**	**18 TC**	**10 TC**

Trong đó: Học phần tiên quyết: Học phần học trước: Học phần song hành:

Sơ đồ 5.1. Tiến trình dạy học của CTĐT QTKD

5.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CĐR của CTĐT

Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 5.6.

Bảng 5.6: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CĐR của CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD														
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
1. Khối Kiến thức đại cương																
1	Triết học Mác - Lênin	I						I					I			
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	M						I					I			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I						R					R			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M						R					R			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I						R					R			
6	Pháp luật đại cương	R						I					I			
7	Tin học ứng dụng			M				I					I			
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	I						I					I			
9	Toán kinh tế	R						I					I			
10	Tiếng Anh 1						I	I					I			
11	Tiếng Anh 2						I	I					I			
12	Tiếng Anh 3						R	I					I			
13	Tiếng Anh 4						R	I					R			
14	Tiếng Anh 5						M	I					R			
15	Giáo dục thể chất 1												I			
16	Giáo dục thể chất 2												R			
17	Giáo dục thể chất 3												M			
18	Giáo dục quốc phòng															
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**															
	Bắt buộc															
19	Kinh tế học vi mô 1		R					I		I	I		I		I	
20	Quản trị học		M			I		I	I	I	I		R	I	I	I
21	Kinh tế học vĩ mô 1		R					I		I	I		I		I	
22	Marketing căn bản		M			I		I	I	I	I		R	I	I	I
23	Tài chính - tiền tệ		I					I			I		I			

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD													
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
24	Nguyên lý thống kê		I					I					I			
25	Nguyên lý kế toán		I					I			I		I		I	
26	Ra quyết định quản trị		M			I		I	R	I	I		R	I	R	R
	Tự chọn															
	Tổ hợp 1															
27	Kinh tế lượng		I	I						I	I		I			
	Hệ thống thông tin trong quản lý		I	I						I	I		I			
	Tổ hợp 2															
28	Luật Kinh tế	I	I					I					I			
	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	I	I					I				I	I			
	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	I	I					I				I	I			
	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	I	I	I				I				I	I			
2.2	**Kiến thức ngành**															
	Bắt buộc															
29	Quản trị chiến lược				M	I		R	R	R	M		R	R	M	M
30	Quản trị tài chính				R	I		R	R	R	R		R	R	R	R
31	Quản trị nhân lực				M	I		R	R	R	R		R	R	R	R
32	Thương mại điện tử			R	R			R		R			R	R		
33	Phân tích hoạt động kinh doanh				R	R		R		M	R		R	R	R	
	Tự chọn															
	Tổ hợp 1															
34	Đạo đức kinh doanh và VH DN				R			R	R		R		R			
	Quản trị đa văn hoá				R			R	R		R		R			
	Tổ hợp 2															
35	Thống kê doanh nghiệp				R						R					
	Thống kê kinh tế				R						R					
	Tổ hợp 2															
36	Kỹ năng quản trị				R			M	R			I	R			
	Giao tiếp trong kinh doanh				R			M	R			I	R			
2.3	**Kiến thức chuyên ngành**															
	Bắt buộc															
37	Quản trị hành chính văn phòng			R	R			R				M	R	R		R
38	Quản trị doanh nghiệp				M	I		R	M	M	M		R	R	M	M
39	Kế toán tài chính				R	I		R					R		R	
40	Quản trị chất lượng				R	I		R		R	R		R	R	R	R
41	Quản trị dự án				R	I		R		R	R		R	R	R	R

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD													
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
	Chọn 2 tổ hợp (mỗi tổ hợp chọn 2HP)															
	Tổ hợp 1															
	Quản trị sản xuất				R	I				R	R		R	R	R	R
	Quản trị chuỗi cung ứng				R	I				R	R		R	R	R	R
42	Quản trị công nghệ và đổi mới				R	I				R	R		R	R	R	R
	Tổ hợp 2															
	Quản trị marketing				R	I		R		R	R		R	R	R	R
	Kinh doanh quốc tế				R	I		R		R	R		R	R	R	R
	Quản trị bán hàng				R	I		R		R	R		R	R	R	R
43	Quản trị quan hệ khách hàng				R	I		R		R	R		R	R	R	R
	Tổ hợp 3															
	Kỹ thuật NV ngoại thương				R	I				R	R	I	R	R	R	R
	Nghiệp vụ hải quan				R	I				R	R	I	R	R	R	R
44	Quản trị logistics				R	I				R	R	I	R	R	R	R
	Tổ hợp 4															
	Thuế				R	I				R	R		R	R	R	R
	Hệ thống thông tin kế toán				R	I				R	R		R	R	R	R
45	Kế toán quản trị				R	I				R	R		R	R	R	R
	Thực tập + KLTN															
46	Thực tập môn học ngành QTKD			R	R	R		R	I	R	R	R	R	R	R	R
47	Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD			R	R	M		R	R	R	R	R	M	M	R	R
48	KLTN				R	R		R	R	R	R	R	R	R	R	R
	HP thay thế KLTN															
	Tổ hợp 1															
	Quản trị kinh doanh thương mại				R			R	R	R	R		R	R	R	R
49	Quản trị DN nhỏ và vừa				R			R	R	R	R		R	R	R	R
	Tổ hợp 2															
	Khởi sự kinh doanh				R			R	R	M	R		R	R	R	R
50	Lập kế hoạch kinh doanh				R			R	R	M	R		R	R	R	R

5.3. Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục 2)

(Hướng dẫn của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục)

5.4. Mô tả các học phần trong CTDH

*** Học phần 1: Triết học Mác - Lênin**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

*** Học phần 2: Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 12GTC

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin thuộc bộ môn Lý luận chính trị, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2021.

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Nhận diện được quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường nói chung, xác định được bản chất của kinh tế thị trường mang đặc thù phát triển của Việt Nam, từ đó hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung; (ii) nhận diện được biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường hiện nay để hình thành kỹ năng giải quyết có căn cứ khoa học quan hệ lợi ích của mình khi khởi nghiệp hoặc tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; (iii) Hiểu được bản chất của CNH, HĐH ở Việt Nam trong bối cảnh thích ứng với cuộc CMCN lần thứ tư và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập, từ đó hình thành tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Học phần này cung cấp cho giúp sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu các môn thuộc khối chuyên ngành.

*** Học phần 3: Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 12GTC

- Học phần học trước:

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

*** Học phần 4: Tư tưởng hồ chí minh**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 12GTC

- Học phần học trước:

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học chính trị bao gồm hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nội dung của môn học bao gồm 6 chương. Cụ thể: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*** Học phần 5: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 12GTC

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc bộ môn Lý luận chính trị, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2021.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến

thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 - 1975) và quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay). Qua đó khẳng đinh các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vao thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần này cung cấp cho giúp sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu các môn thuộc khối chuyên ngành.

*** Học phần 6: Pháp luật đại cương**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 12GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam và các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

*** Học phần 7: Tin học ứng dụng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành: 12GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học ứng dụng trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm; hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành máy tính; ứng dụng được các phần mềm vào trong công việc một cách hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm bảng tính điện tử để tính toán hay trực quan hoá dữ liệu, phần mềm trình chiếu để thuyết trình, khai thác và sử dụng Internet, hay sử dụng thành thạo một số phần mềm ứng dụng chuyên dụng khác phục vụ công việc. Qua những kiến thức và kỹ năng

đã được trang bị, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức vào từng công việc cụ thể sau này.

*** Học phần 8: Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê, làm cơ sở để người học học tập các học phần chuyên ngành liên quan. Với những kiến thức, kĩ năng thu được qua quá trình học tập, người học có thể vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn trong kinh tế, xã hội. Các định nghĩa về xác suất, các công thức xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, dãy phép thử Bernoulli được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu về biến ngẫu nhiên, hàm phân phối, hàm mật độ, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, mode, trung vị, giá trị tới hạn và một số phân phối thông dụng như phân phối chuẩn, phân phối không – một, phân phối nhị thức, phân phối Student, phân phối khi bình phương, phân phối F. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

*** Học phần 9: Toán kinh tế**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Toán kinh tế nhằm cho sinh viên biết phân tích, đánh giá, tổng hợp xử lý các bài toán trong lĩnh vực kinh tế.

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu

một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

Học phần này cung cấp cho giúp sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu các môn thuộc khối chuyên ngành.

*** Học phần 10: Tiếng anh 1**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thảo luận: 12GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 1 thuộc Khung Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh năm 2022 nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp để củng cố kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Thông qua đó, sinh viên có thể tự tin giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế của cuộc sống, học tập và công việc, hướng đến đạt chuẩn đầu ra tốt nghiệp về ngoại ngữ.

Nội dung học phần bao gồm 6 chủ điểm (Cuộc sống, Công việc, Thời gian rảnh rỗi, Giáo dục, Du lịch, Sức khỏe) thuộc 6 bài học đầu tiên trong giáo trình Speakout, phiên bản 2, trình độ tiền trung cấp của Nhà xuất bản Pearson. Mỗi bài học đều trang bị cho sinh viên đầy đủ các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm theo các chủ điểm trên làm nền tảng cho việc thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động đa dạng với các nguồn ngữ liệu sinh động và thực tế. Đặc biệt, qua mỗi bài học, sinh viên được tiếp cận với các đoạn video ngắn được cung cấp bởi BBC – Đài Truyền hình Anh Quốc. Đây là những video mô phỏng các cuộc hội thoại thực tế hàng ngày với các nhân vật được phỏng vấn tới từ các quốc gia khác nhau, do vậy, sinh viên sẽ có cơ hội được tiếp xúc và làm quen với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Thông qua đó, sinh viên sẽ cảm thấy tự tin hơn trong giao tiếp, chủ động trong việc bày tỏ quan điểm cá nhân về một chủ đề quen thuộc, phát âm chuẩn giọng Anh, Mỹ với ngữ điệu thành thục, hình thành tư duy phản biện và tạo thói quen tốt trong việc học tiếng Anh. Cuối mỗi bài học là nội dung ôn tập tổng hợp lại các kiến thức và kỹ năng đã được giới thiệu trong bài học.

*** Học phần 11: Tiếng anh 2**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thảo luận: 12GTC

- Học phần học trước: Tiếng Anh 1
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 2 là học phần tiếp nối của Tiếng Anh 1 - học phần thuộc chương trình đào tạo hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp giúp người học mở rộng kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm và nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Thông qua đó, người học có thể tự tin giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế của cuộc sống, học tập và công việc, hướng đến đạt chuẩn đầu ra tốt nghiệp về ngoại ngữ.

Nội dung học phần bao gồm 6 chủ điểm: Sự thay đổi, Tiền tệ, Tự nhiên, Xã hội, Công nghệ, Danh tiếng trong giáo trình Speakout, phiên bản 2, của Nhà xuất bản Pearson. Mỗi bài học đều trang bị cho người học đầy đủ các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm theo các chủ điểm trên làm nền tảng cho việc thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động đa dạng với các nguồn ngữ liệu sinh động và thực tế. Đặc biệt, qua mỗi bài học, người học được tiếp cận với các đoạn video ngắn tương ứng với từng chủ đề và mức độ khó dễ của bài học được cung cấp bởi BBC - Anh Quốc. Nhờ đó, người học có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm, trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, thể hiện quan điểm cá nhân về các chủ đề quen thuộc và cuộc sống hằng ngày, phát âm chuẩn giọng Anh, Mỹ với ngữ điệu thành thục, hình thành tư duy phản biện và tăng cường năng lực tự học trong việc học tiếng Anh. Cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập tổng hợp lại các kiến thức và kỹ năng đã được giới thiệu trong bài học.

*** Học phần 12: Tiếng anh 3**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thảo luận: 12GTC

- Học phần học trước: Tiếng Anh 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ trung cấp (Trình độ B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết.

Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học. Ngoài ra, trong học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức và làm quen với các dạng bài trong kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh PET.

*** Học phần 13: Tiếng anh 4**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thảo luận: 12GTC

- Học phần học trước: Tiếng Anh 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 4 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1, 2, 3 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ trung cấp. Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học, đồng thời thực hành áp dụng những kiến thức và kĩ năng này trong quá trình hoàn thành các dạng bài tập theo định hướng bài thi đánh giá năng lực chuẩn đầu ra.

Học phần Tiếng Anh 4 hướng đến giúp sinh viên đạt được các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng của môn học cũng như nâng cao năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm của sinh viên với môn tiếng Anh nói riêng và các môn học khác nói chung.

*** Học phần 14: Tiếng anh 5**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thảo luận: 12GTC

- Học phần học trước: Tiếng Anh 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 5 là học phần tiếp nối của Tiếng Anh 1, 2, 3, 4 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến

thức và kỹ năng tiếng Anh ở cấp độ trung cấp. Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

Học phần gồm 4 bài học được phân theo những chủ điểm khác nhau như Sức khỏe, Ẩm thực, Bảo tồn thiên nhiên và Giao tiếp. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu đa dạng cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

Tiếng Anh học phần 5 hướng đến giúp sinh viên đạt chuẩn các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng của môn học cũng như phát huy sự sáng tạo, nâng cao khả năng hội nhập quốc tế, năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm của sinh viên với môn tiếng Anh nói riêng và các môn học khác nói chung.

*** Học phần 15: Giáo dục thể chất I**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 4GTC, số tiết thực hành: 26GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: GDTC I là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khoẻ, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông. Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện.

*** Học phần 16: Giáo dục thể chất II**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 4GTC, số tiết thực hành: 26GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Giáo dục thể chất I
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: GDTC II là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khoẻ, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông. Các bài tập điền kinh không chỉ có tác dụng tốt đối với sức khỏe con người mà còn là cơ sở để phát triển các môn thể thao khác. Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục

thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện. Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học.

*** Học phần 17: Giáo dục thể chất III**

Số tín chỉ: 02TC, Số tiết LT: 4GTC, số tiết thực hành: 26GTC

- Học phần học trước: Giáo dục thể chất II
- Học phần tiên quyết: Giáo dục thể chất I
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Bóng chuyền hơi là môn thể thao hiện nay rất phát triển ở nước ta, đặc biệt trong các trường chuyên nghiệp, đây là môn thể thao có nhiều hình thức chơi cho từng trường hợp cụ thể và phù hợp với tất cả mọi người. Giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất trong môi trường đại học, nhằm tăng cường sức khoẻ, phát triển các tố chất thể lực. Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất, kỹ năng đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

*** Học phần 18: Giáo dục quốc phòng**

Số tín chỉ: …TC, Số tiết LT: ……..GTC, số tiết thực hành: ……GTC

- Học phần học trước:
- Học phần tiên quyết:
- Học phần song hành:
- Tóm tắt nội dung học phần:

*** Học phần 19: Kinh tế học vi mô 1**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần được trình bày trong 8 chương, bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Co giãn của cầu, cung; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Qua đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức liên quan đến Kinh tế học vi mô vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

*** Học phần 20: Quản trị học**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Giúp sinh viên có khả năng phân tích tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để xây dựng chính sách phát triển của tổ chức thông qua các chức năng của hoạt động quản trị.

*** Học phần 21: Kinh tế học vĩ mô 1**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế vĩ mô 1 là môn học cơ sở của lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. Môn học nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm dạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Bằng phương pháp mô hình hóa, trừu tượng hóa khoa học, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như tổng cung, tổng cầu, thất nghiệp, lạm phát, tăng trưởng kinh tế... sẽ được đề cập và giải thích giúp người học có thể hiểu và vận dụng trong phân tích thực tiễn kinh tế của mỗi quốc gia.

*** Học phần 22: Marketing căn bản**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và

định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

*** Học phần 23: Tài chính – Tiền tệ**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành kinh tế, thuộc khoa Ngân hàng – Tài chính. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: tổng quan về tiền tệ, tổng quan về tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, bảo hiểm, tài chính quốc tế, từ đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn), kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ/ngân hàng góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

*** Học phần 24: Nguyên lý thống kê**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Nguyên lý thống kê là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê. Bên cạnh đó, người học còn áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề KT-XH; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế

theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong việc đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong hoạt động kinh tế, kinh doanh và quản lý thực tế.

*** Học phần 25: Nguyên lý kế toán**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, kế toán các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần còn giúp người học nắm khái quát được Chế độ kế toán Việt Nam bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý của Việt Nam định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của mình làm cơ sở để tiếp cận nghiên cứu sâu hơn về kế toán.

*** Học phần 26: Ra quyết định quản trị**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Ra quyết định quản trị đóng một vai trò quan trọng đối với sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Vì vậy, để tránh sai lầm khi ra quyết định, đòi hỏi bất cứ nhà quản trị nào cũng phải không ngừng nâng cao chất

lượng ra quyết định của chính mình. Dù là việc ở vị trí nào và trong lĩnh vực gì, mỗi nhà quản trị đều phải thường xuyên ra quyết định và chịu trách nhiệm về các quyết định đã lựa chọn. Hơn thế nữa, trong môi trường ngày càng cạnh tranh gay gắt đòi hỏi nhà quản trị phải có năng lực quyết đoán và ra quyết định nhanh chóng. Môn học này sẽ cung cấp và trang bị cho người học các tri thức và kỹ năng nhận diện vấn đề, tìm kiếm nguyên nhân, đề xuất các quy trình, phương pháp ra quyết định. Ra quyết định một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả dựa trên những phân tích cả định tính và định lượng trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.

*** Học phần 27.1: Kinh tế lượng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế học vi mô 1, Quản trị học.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế lượng thuộc khối kiến thức tự chọn cơ sở ngành Quản trị kinh doanh nhằm cung cấp cho sinh viên tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro… với sự hỗ trợ của một số phần mềm thống kê SPSS, EVIEWS, R…

*** Học phần 27.2: Hệ thống thông tin trong quản lý**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

*** Học phần 28.1:** L**uật kinh tế căn bản**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*** Học phần 28.2: Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; các dịch vụ trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ logistic, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ... và giải quyết tranh chấp thương mại. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

*** Học phần 28.3: Pháp luật về chủ thể kinh doanh**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ, quy định về giải thể, phá sản của các chủ thể kinh doanh là thương nhân, bao gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các thực thể kinh doanh khác. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến luật thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

*** Học phần 28.4: Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách thức soạn thảo một số loại văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng. Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, vấn đề thể thức văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản hành chính; cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường như công văn, biên bản, thông báo, tờ trình, báo cáo, đơn từ…, kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa; kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng dịch vụ và kỹ thuật soạn thảo hợp đồng lao động

***Học phần 29: Quản trị chiến lược**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Marketing căn bản.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những nội dung cơ bản về chiến lược kinh doanh và cách thức hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và điều chỉnh các chiến lược trong doanh nghiệp. Quá trình hoạch định chiến lược bắt đầu từ việc nghiên cứu các triết lý kinh doanh, phân tích và dự báo những cơ hội và thách thức do môi trường bên ngoài tác động đến doanh nghiệp và đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, các nhà chiến lược trong doanh nghiệp sẽ xem xét lại hệ thống mục tiêu của mình và đề xuất các phương án chiến lược. Nội dung tiếp theo là việc sử dụng hệ thống các công cụ phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp với doanh nghiệp và quyết định lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp, cho đơn vị kinh doanh chiến lược hay cho các bộ phận chức năng. Sau khi quyết định lựa chọn chiến lược, doanh nghiệp phải tiến hành tổ chức thực hiện chiến lược đó. Nội dung tổ chức thực hiện chiến lược bao gồm: thiết lập các kế hoạch tác nghiệp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phân phối nguồn lực và xây dựng các chính sách

kinh doanh. Bên cạnh đó có thể nghiên cứu cách thức thực hiện chiến lược theo phương pháp thẻ điểm cân bằng. Nội dung cuối cùng của Quản trị chiến lược là kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Nội dung này bao gồm bản chất của hoạt động kiểm tra và quy trình kiểm tra chiến lược trong các tổ chức.

***Học phần 30: Quản trị tài chính**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học, Nguyên lý kế toán
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị tài chính thuộc bộ môn Quản trị kinh doanh nhằm giới thiệu cho sinh viên các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để tiến hành hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: những vấn đề chung về quản trị tài chính, định giá tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu), chi phí huy động và sử dụng vốn (chi tiết cho từng nguồn vốn huy động tại doanh nghiệp), quy trình đánh giá, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; huy động vốn trên thị trường tài chính, xem xét cơ cấu tài chính, các chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu, các hoạt động quản trị vốn kinh doanh, cách xác định chi phí, doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, các vấn đề về phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (nhóm chỉ tiêu về: khả năng thanh toán, khả năng hoạt động , khả năng sinh lời) và hoạch định kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

***Học phần 31: Quản trị nhân lực**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị nhân lực sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực như vai trò con người trong lao động sản xuất; Phân tích công việc; Lập kế hoạch nhân lực; Tuyển chọn nhân viên; Tổ chức quá trình lao động; Định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển nhân lực; Vấn đề trả công lao động và Mối quan hệ lao đông trong doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

***Học phần 32: Thương mại điện tử**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 24GTC, số tiết thực hành: 12GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

***Học phần 33: Phân tích hoạt động kinh doanh**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Marketing căn bản, Kế toán tài chính

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc thuộc kiến thức ngành QTKD. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này giúp người học khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

***Học phần 34.1: Đạo đức kinh doanh & Văn hóa DN**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Marketing căn bản

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, chắc chắn mỗi doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh khốc liệt. Đó vừa là sức ép, vừa là cơ hội để doanh nghiệp giữ vững thương hiệu trên thị trường. Trong đó, yếu tố văn hóa doanh nghiệp là giá trị cốt lõi, tạo niềm tin xã hội, với cán bộ nhân viên, đặc biệt tạo ra sự trường tồn của đội ngũ doanh nhân đất nước. Mỗi doanh nghiệp đều phải xây dựng đạo đức trong kinh doanh phù hợp với lĩnh vực sản xuất, có trách nhiệm với xã hội chính là góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Học phần Đạo đức kinh doanh & Văn hóa doanh nghiệp thuộc Bộ Môn Marketing giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Văn hóa doanh nghiệp, giúp sinh viên làm quen với các

khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về lĩnh vực này. cung cấp cho sinh viên kiến thức về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, quy trình ra quyết định của doanh nghiệp chịu chi phối, ảnh hưởng bởi những yếu tố nào, tác động đến những ai,... Các hệ thống biểu trưng trực quan và phi trực quan, các dạng văn hóa doanh nghiệp, các bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp,... Từ đó sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp với vai trò là một thành viên hay một người tư vấn cho doanh nghiệp đó.

***Học phần 34.2: Quản trị đa văn hóa**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này tập trung vào ba vấn đề lớn trong quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia là văn hóa, hành vi và chiến lược quản trị đa văn hóa. Từ những thách thức và cơ hội trong môi trường đa văn hóa sẽ tạo lập chiến lược quản trị văn hóa tập thể mang bản sắc công ty trong môi trường toàn cầu. Xuất phát từ viễn cảnh chung về đa văn hóa có ảnh hưởng đến kinh doanh và tiến trình quốc tế hóa văn hóa trong kinh doanh đã được các học giả nghiên cứu đưa ra những lý thuyết phân tích và phân loại văn hóa. Các nguyên tắc ứng xử văn hóa, nghệ thuật và hành vi phù hợp với môi trường đa văn hóa. Từ đó, trình bày rõ hơn cách quản trị đa văn hóa và hoạt động xuyên quốc gia của các công ty quốc tế. Quản trị quốc tế không đơn thuần là quản lý máy móc, thiết bị, vốn, con người mà còn là quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia.

***Học phần 35.1: Thống kê Doanh nghiệp**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học; Kinh tế học vi mô 1, Nguyên lý thống kê
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thống kê doanh nghiệp thuộc khối kiến thức tự chọn ngành Quản trị kinh doanh nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế; Ngoài ra, học phần còn giúp cho người học biết và hiểu được về một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê

về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là những kiến thức căn bản trong doanh nghiệp mà một nhà quản lý cần nắm được để làm nền tảng cho việc đưa ra các quyết định quản lý giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

***Học phần 35.2: Thống kê kinh tế**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê, Nguyên lý thống kê
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thống kê Kinh tế là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh gồm các nội dung về thống kê dân số, thống kê của cải quốc dân, thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra, học phần còn cung cấp thêm các kiến thức liên quan đến thống kê các chỉ số về giá như chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số chứng khoán (VN-INDEX)...; các chỉ số để đánh giá mức sống dân cư tại 1 quốc gia như HDI; các chỉ số so sánh quốc tế như chỉ số cạnh tranh tăng trưởng (GVC), chỉ số giáo dục (EDI), chỉ số thịnh vượng quốc gia (WNI),... Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu các môn học chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

***Học phần 36.1: Kỹ năng quản trị**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn này người học nắm được kiến thức và kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang và kinh nghiệm giúp cho người học có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường, đồng thời đáp ứng được sự thiếu hụt những kỹ năng và tài năng quản trị đối với các nhà quản trị mới vào nghề. Người học sẽ có khả năng đánh giá đúng khả năng của mình và biết cách làm thế nào để nâng cao kỹ năng quản trị của chính mình và cộng sự.

***Học phần 36.2: Giao tiếp trong kinh doanh**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 8 chương, bao gồm những nội dung cơ bản như bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, môi trường giao tiếp kinh doanh, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ thuật soạn thảo văn bản như viết báo cáo và kế hoạch kinh doanh, viết thư, kỹ năng sử dụng Email, kỹ năng truyền tải các thông điệp thuyết phục và kỹ năng thuyết trình. Giao tiếp trong kinh doanh được thể hiện qua các hình thức diễn đạt bằng lời văn hoặc không bằng lời văn nhằm trao đổi thông tin với các đối tác bên trong hay bên ngoài doanh nghiệp. Dù thể hiện dưới hình thức nào thì giao tiếp trong kinh doanh cũng đều nhằm đạt được ba mục tiêu cơ bản: mục tiêu thông báo, mục tiêu thuyết phục và mục tiêu khẳng định quan điểm, ý tưởng của từng cá nhân và doanh nghiệp.

***Học phần 37: Quản trị hành chính văn phòng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: HCVP hiện diện trong bất cứ bộ phận phòng ban nào chứ không phải chỉ riêng bộ phận hành chính quản trị. Bất cứ cấp quản trị nào cũng như nhân viên ngồi tại bàn giấy đều phải làm các công việc HCVP. Tất cả đều phải quản trị HCVP của mình sao cho có hiệu quả. Học phần quản trị HCVP thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngành Quản trị kinh doanh nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ HCVP và quản trị HCVP tại các cơ quan, tổ chức. Những nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về văn phòng, hành chính văn phòng, quản trị HCVP; Quản trị Thời gian - Quản trị thông tin - quản trị hồ sơ; Tổ chức các cuộc họp, các chuyến đi công tác; Những vấn đề chung về văn bản; Thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản (VB QPPL và VB hành chính), soạn thảo hợp đồng thương mại, hợp đồng dân sự; Nghiệp vụ lễ tân và giao tiếp hành chính; Thư tín thương mại.

***Học phần 38: Quản trị doanh nghiệp**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Học phần tiên quyết: Quản trị học

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức quản trị có tính nguyên lý chung, các kỹ năng rất cơ bản của quản trị kinh doanh. Môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống các môn học trong khung chương trình đào tạo chuyên ngành QTKD. Quản trị doanh nghiệp yêu cầu phải nằm vững các kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, chức năng, nhiệm vụ cửa từng lĩnh vực trong doanh nghiệp. Lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp và cho từng bộ phận. Tổ chức, sắp xếp thiết lập các mối quan hệ giữa các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp chặt chẽ và đạt hiệu quả cao. Để thực hiện được các công việc đó thì nhà quản trị phải nhận thức rõ được vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình trên cương vị lãnh đạo điều hành. Công tác kiểm tra, giám sát một cách khoa học và đúng quy trình là yêu cầu bắt buộc của nhà quản trị và luôn được thực hiện đầy đủ trong doanh nghiệp. Cuối cùng để quản trị doanh nghiệp tốt thì nhận thức sự thay đổi đang diễn ra trong doanh nghiệp cũng như môi trường kinh doanh nói chung là vô cùng cần thiết để nhà quản trị có thể định hình doanh nghiệp trong tương lai.

***Học phần 39: Kế toán tài chính**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán tài chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành đối với chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh. Học phần Kế toán tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc cơ bản về công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ, xác định kết quả và lập báo cáo tài chính. Học phần này giúp người học: (i) vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực và chế độ kế toán để thực hiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp, (ii) Làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính cơ bản trong các doanh nghiệp, (iii) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp.

***Học phần 40: Quản trị chất lượng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, Ra quyết định quản trị
- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị chất lượng cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý chất lượng, quá trình quản lý chất lượng tại các tổ chức (doanh nghiệp/cơ sở sản xuất/đơn vị quản lý nhà nước...). Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn các quan điểm, trường phái, xu hướng quản trị chất lượng trên thế giới và trong nước; Hệ thống các bộ tiêu chuẩn quản lý chất lượng trên thế giới và các quốc gia đang áp dụng tại các tổ chức, hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng trong nước đang áp dụng; xu hướng quản lý chất lượng mới trên thế giới. Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn, lãnh đạo các tổ chức có đánh giá quá trình và hiệu quả/hiệu lực trong việc áp dụng phương pháp/tiêu chuẩn quản trị chất lượng. Học phần Quản trị chất lượng cung cấp bộ công cụ kiểm soát chất lượng trong các tổ chức, hướng dẫn và vận dụng công cụ kiểm soát đối với các hoạt động thực tiễn trong các tổ chức, đặc biệt trong các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước.

***Học phần 41: Quản trị dự án**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- Học phần tiên quyết:
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của CTĐT Quản trị Kinh doanh và tự chọn trong một số CTĐT khác nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về dự án, các nội dung chuyên sâu của công tác quản trị dự án như: Công tác lập kế hoạch, soạn thảo dự án, phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội dự án, công tác thẩm định, tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, phân phối các nguồn lực, kiểm soát và quản trị rủi ro dự án. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập và phân tích dự án, tổ chức điều phối hoạt động dự án và đưa ra phương án xử lý, ra quyết định trong quá trình tổ chức thực hiện dự án.

***Học phần 42.1: Quản trị sản xuất**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học, Nguyên lý thống kê
- Học phần tiên quyết:
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Nếu như nói quản trị tài chính nhằm đảm bảo yếu tố đầu vào và quản trị Marketing nhằm ổn định sự tiêu thụ sản phẩm thì quản trị sản xuất được xem như là trung gian của hai giai đoạn này vì quá trình sản xuất có vai trò quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành sản xuất và thời gian cung cấp

sản phẩm. Quản trị sản xuất là môn học thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh, môn học này gồm có 10 chương khác nhau, mỗi chương sẽ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về hoạt động sản xuất như công tác dự báo; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; quản trị dự trữ; thiết kế sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất; hoạch định tổng hợp; xây dựng lịch trình sản xuất; hoạch định năng lực sản xuất; lựa chọn địa điểm sản xuất… và một số nội dung chung khác nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.

***Học phần 42.2: Quản trị chuỗi cung ứng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp luôn tìm kiếm một mô hình kinh doanh có thể giúp doanh nghiệp đáp ứng các nhu cầu của khách hàng tốt hơn đối thủ cạnh tranh. Thành công đó phụ thuộc vào khả năng thiết kế và đưa đến cho khách hàng các sản phẩm chất lượng cao, chi phí thấp và các dịch vụ mà khách hàng muốn sử dụng. Quản trị chuỗi cung ứng giúp các công ty tập trung vào các sự khác biệt, độc đáo so với đối thủ cạnh tranh. Quản trị chuỗi cung ứng là sự thiết kế và quản trị các quá trình gia tăng giá trị nhằm đáp ứng các yêu cầu của những khách hàng cuối cùng. Môn học cung cấp học sinh viên những nội dung chính bao gồm các kiến thức tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng; phương pháp quản lý các quá trình hoạt động của chuỗi cung ứng; cách thức thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng; các phương pháp đánh giá chuỗi cung ứng; nội dung về quản trị quan hệ đối tác; nội dung quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ.

cầu nguyên vật liệu; quản trị dự trữ; thiết kế sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất; hoạch định tổng hợp; xây dựng lịch trình sản xuất; hoạch định năng lực sản xuất; lựa chọn địa điểm sản xuất… và một số nội dung chung khác nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.

***Học phần 42.3: Quản trị công nghệ và đổi mới**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị công nghệ và đổi mới trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và nghiệp vụ về hoạt động

quản trị công nghệ trong doanh nghiệp. Môn học phần cung cấp các kiến thức về đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, phân tích quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xác định được năng lực công nghệ và thực hiện chuyển giao một công nghệ cụ thể, trong đó đi sâu vào tính toán và phân tích các chỉ tiêu về hàm lượng chất xám của công nghệ, năng lực hoạt động của công nghệ, giá trị đóng góp của công nghệ, để từ đó lựa chọn các phương án công nghệ và có phương pháp quản trị hiệu quả nhất trong việc sử dụng công nghệ. Cùng với việc cung cấp cho người học các kiến thức quản trị công nghệ và đổi mới, cách thức tiếp cận và quản trị công nghệ trong doanh nghiệp thì môn học cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản trị thực sự am hiểu về công cụ cạnh tranh của các doanh nghiệp hiện nay.

***Học phần 43.1: Quản trị Marketing**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị marketing do Bộ môn Marketing phụ trách thuộc chương trình đào tạo khối ngành marketing, quản trị kinh doanh nhằm giới thiệu cho sinh viên nhưng kiến thức nghiệp vụ để quản trị hoạt động marketing trong kinh doanh và vận hành doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực. Qua đó, sinh viên nhận biết được cách thức vận hành hoạt động marketing trong doanh nghiệp, xây dựng chiến lược và tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

***Học phần 43.2: Kinh doanh quốc tế**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh doanh quốc tế thuộc khối kiến thức bắt buộc của chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về hoạt động kinh doanh quốc tế trong nền kinh tế thị trường như: những vấn đề chung về hoạt động kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, các định chế trong kinh doanh quốc tế, tổ chức hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế, các phương thức thanh toán và thâm nhập thị trường quốc tế. Đặc biệt môn học trang bị kỹ năng ra các quyết định trong hoạt động kinh doanh quốc tế có tính đến ảnh hưởng của môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa của

mỗi quốc gia, và thực tiễn kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra.

***Học phần 43.3: Quản trị bán hàng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị bán hàng thuộc Bộ Môn Marketing giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Quản trị bán hàng, giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về lĩnh vực Quản trị bán hàng. Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm công tác về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp. Giúp người học có thể tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị bán hàng như: Phân tích, Dự báo, lập kế hoạch bán hàng, Quản lý năng suất của lực lượng bán hàng, Xây dựng đội ngũ bán hàng- tuyển dụng và lựa chọn, Lãnh đạo lực lượng bán hàng, Thực hiện chương trình huấn luyện bán hàng, Quản lý đội ngũ bán hàng.

***Học phần 43.4: Quản trị quan hệ khách hàng**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

***Học phần 44.1: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương. Đó là các phương thức hay được dung trong giao dịch ngoại thương. Các tập quán thương mại quốc tế mà nó đã trở thành các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi. Các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch. Các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương được diễn ra như thế nào. Cùng với việc cung cấp cho người học các kiến thức kinh doanh ngoại thương, các cách thức tiến hành một thương vụ kinh doanh quốc tế thì môn học cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

***Học phần 44.2: Nghiệp vụ hải quan**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Nghiệp vụ hải quan là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học kiến thức về quy trình, thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu mậu dịch, tạm nhập tái xuất, gia công, hàng dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, hàng của các cơ quan ngoại giao, hàng của cư dân biên giới...; cũng như giới thiệu về quy trình nghiệp vụ kiểm tra giám sát hải quan, phương pháp xác định và áp mã tính thuế suất thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam. Bên cạnh việc đi sâu tìm hiểu về hải quan Việt Nam, học phần cũng giới thiệu về hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan.

***Học phần 44.3: Quản trị logistics**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị Logistics cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quan về quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả chi phí lưu thông, dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho trong

quá trình sản xuất sản phẩm cùng dòng thông tin tương ứng từ điểm đầu tiên đến điểm tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế như quản trị nhu cầu, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng hóa, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa, hệ thống thông tin logistics, và quản trị dịch vụ khách hàng. Học phần cũng làm rõ các nội dung hoạt động logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài chính. Nhờ đó mà góp phần cho người học hoàn thiện hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam.

***Học phần 45.1: Thuế**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Tài chính tiền tệ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về Thuế Nhà nước trong đó đi sâu vào nghiên cứu các loại thuế trong hệ thống thuế Việt Nam như: Thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN,…. Bên cạnh đó học phần Thuế Nhà nước cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh thuế góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

***Học phần 45.2: Hệ thống thông tin kế toán**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kế toán tài chính; Kế toán quản trị
- Học phần tiên quyết: Tin học ứng dụng, nguyên lý kế toán
- Học phần song hành: Kế toán máy
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hệ thống thông tin kế toán thuộc bộ môn Nguyên lý kế toán nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán dưới góc độ của cả hệ thống: Cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán, sự an toàn và trung thực của dữ liệu; các chu trình kế toán và kiểm soát trong các chu trình kế toán cơ bản: Chu trình doanh thu, chu trình chi phí và chu trình sản xuất; phân tích, thiết kế hệ thống thông tin kế toán và thực hiện, vận hành hệ thống thông tin kế toán. Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật xây dựng- khai khác cơ sở dữ liệu kế toán và có khả năng thiết lập các chính sách kiểm soát nội bộ hữu hiệu, hiệu quả. Đồng thời, giúp người học hiểu được công việc kế toán theo một quy trình, từ

việc thu thập, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng; các nội dung cơ bản trong việc tìm hiểu, đánh giá và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cho hệ thống thông tin kế toán, từ đó có biện pháp kiểm soát chu trình kế toán trong doanh nghiệp và bảo toàn dự an của dữ liệu và thực hiện công việc và phân tích, thiết kế và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

***Học phần 45.3: Kế toán quản trị**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán quản trị thuộc Bộ môn Kiểm toán nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và đánh giá hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

***Học phần 46.1: Quản trị kinh doanh thương mại**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về việc quản lý điều hành một doanh nghiệp thương mại kinh doanh trong cơ chế thị trường. Học phần giúp cho người học nắm được: Các vấn đề về Kinh doanh thương mại và những nội dung cơ bản của hoạt động kinh doanh thương mại và những yêu cầu về phát triển Thương mại ở nước ta; Các kiến thức về quản lý và sử dụng các yếu tố đầu vào của kinh doanh thương mại như: hàng hóa, vốn, nhân lực, chi phí, cách thức xúc tiến bán hàng, quản trị thị trường, quản trị dự trữ, dịch vụ khách hàng…để đạt được kết quả cao ở đầu ra như : tiêu thụ được nhiều hàng hóa, tiết kiệm chi phí, nâng cao lợi nhuận; Các kiến thức về phân tích, đánh giá được hiệu quả kinh doanh, đề ra các quyết định điều hành kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

***Học phần 46.2: Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Học phần tiên quyết: Quản trị học

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nghiệp vụ, quy trình quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu chung về doanh nghiệp vừa và nhỏ, cách phân loại, vai trò, cách khởi sự và cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giúp người học hiểu về hoạt động quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Người học nắm được kiến thức về marketing và tiêu thụ sản phẩm cũng như đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sau khi học xong môn học này người học có thể hiểu được quy trình khởi sự và điều hành các hoạt động kinh doanh nhỏ và hướng đến phát triển thành các doanh nghiệp vừa, cũng như tiền đề để điều hành doanh nghiệp lớn.

***Học phần 47.1: Khởi sự kinh doanh**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Học phần tiên quyết: Quản trị học

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Khởi sự kinh doanh sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết và những kỹ năng cơ bản ở hai lĩnh vực đó là có những kiến thức và kỹ năng sau khi ra trường để khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ ở một lĩnh vực kinh tế - xã hội cụ thể. Học phần là cơ sở để xây dựng và hun đúc tinh thần tư duy khởi nghiệp làm giàu cho sinh viên và trang bị cho sinh viên những kiến thức về khởi nghiệp trong bối cảnh khởi sự kinh doanh ở Việt Nam và ra quyết định khởi nghiệp như một lựa chọn nghề nghiệp thể hiện ở Tư duy khởi sự kinh doanh; phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; Điều kiện cần để trở thành nghiệp chủ; Xây dựng hình thành ý tưởng kinh doanh và Lập kế hoạch kinh doanh và Xây dựng phát triển doanh nghiệp mới.

***Học phần 47.2: Khởi sự kinh doanh**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36GTC, số tiết thảo luận: 18GTC

- Học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Marketing căn bản, Quản trị doanh nghiệp.

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần lập kế hoạch kinh doanh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh. Sinh viên được cung cấp những kiến thức cần thiết để có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh. Kế hoạch bao gồm từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội kinh doanh hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

***Học phần 48: Thực tập môn học**

Số tín chỉ: 02TC

- Học phần học trước: : Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Để vận dụng những kiến thức đã học của các học phần: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực. Người học sẽ đến các các doanh nghiệp để thực tập về các học phần này. Nhóm sinh viên có thể lựa chọn một đề tài thuộc nội dung các học phần quy định, dưới sự tư vấn và phê duyệt của giáo viên hướng dẫn để viết báo cáo thực tập môn học về đề tài đó.

***Học phần 49: Thực tập tốt nghiệp**

Số tín chỉ: 04TC

- Học phần học trước: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị chất lượng,….

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn của ngành và chuyên ngành đào tạo tại một đơn vị (tổ chức, doanh nghiệp); vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngành/ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập cần nghiên cứu để đề xuất nội dung viết khóa

luận tốt nghiệp (đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận). Tìm hiểu yêu cầu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thực tập để chủ động thích nghi trong công việc thực tiễn; Rèn luyện kĩ năng giao tiếp với khách hàng, với đồng nghiệp, xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; Củng cố kĩ năng thực hành cũng như phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đích đạt chuẩn chất lượng trong đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

***Học phần 50: Khoá luận tốt nghiệp**

Số tín chỉ: 06TC

- Học phần học trước: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị chất lượng,….

- Học phần tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng các kiến thức đã được trang bị vào việc thực hiện một đề tài nghiên cứu triển khai ứng dụng ở mức độ chuyên sâu. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng các kỹ năng về lập luận phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng nghiên cứu và khám phá tri thức, cũng như các kỹ năng về giao tiếp trong nghiên cứu. Học phần giúp sinh viên định hướng nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên về kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, vận hành ứng dụng, viết báo cáo và trình bày kết quả.

6. Phương pháp giảng dạy - học tập

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp người học đạt được CĐR CTĐT QTKD thể hiện trong Bảng 6.1.

Bảng 6.1: Mối liên hệ giữa CĐR CTĐT và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT														
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
I. Chiến lược dạy học trực tiếp															
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x					x				
2.Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x					x				
II. Chiến lược dạy học gián tiếp															
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT														
	1.1	**1.2**	**1.3**	**1.4**	**1.5**	**2.1**	**2.2**	**2.3**	**2.4**	**2.5**	**2.6**	**3.1**	**3.2**	**3.3**	**3.4**
5. Học theo tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
III. Dạy học tương tác															
6. Tranh luận				x									x	x	x
7. Thảo luận				x	x					x		x	x	x	x
8. Học nhóm	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm															
9.Thực tập, thực tế		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
10.Thực hành				x	x			x			x				
V.Tự học															
11. Bài tập ở nhà		x	x	x	x						x	x	x		

7. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm

7.1. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa QTKD thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa QTKD đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Khoa QTKD được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

* Đánh giá tiến trình:

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được Khoa QTKD áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm, bài tập cá nhân và kiểm tra thường xuyên.

* Đánh giá giữa kỳ:

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ được sử dụng gồm có: Kiểm tra viết, Thực hành trên máy, Báo cáo.

* Đánh giá cuối kỳ:

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, Báo cáo.

Bảng 7.1: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR CTĐT QTKD

Phương pháp đánh giá		Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD														
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
I	**Đánh giá tiến trình**															
1	***Chuyên cần***												x			
2	***Bài tập nhóm, cá nhân***	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	***Kiểm tra thường xuyên***															
3.1	Viết	x	x	x	x	x	x									
3.2	Trắc nghiệm		x	x	x		x									
II	**Đánh giá giữa kỳ**															
1	Viết	x	x	x	x	x	x									
2	Thực hành			x			x									
III	**Đánh giá cuối kỳ**															
1	Viết	x	x	x	x	x	x									
2	Vấn đáp	x	x	x	x	x	x									
3	Trắc nghiệm	x			x	x										
4	Báo cáo				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

7.2.1.Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-8.9)	(9,0-10,0)	
Số tiết	Đi học (<80%)	Đi học (<81-85%)	Đi học ít chuyên cần (86-90%)	Đi học chuyên cần (91-95%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (96-100%)	**50%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động nào tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.	**50%**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-8.9)	(9,0-10,0)	
		Đóng góp không hiệu quả.	Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Các đóng góp rất hiệu quả.	

7.2.2. Bài tập nhóm, cá nhân

a. Bài tập nhóm

Bài tập nhóm được đánh giá gồm 3 thành phần điểm:

- Làm việc nhóm chiếm 20% điểm của bài tập nhóm (Tính theo Tiêu chí đánh giá 2). Sinh viên không tham gia làm việc nhóm thì không được tính điểm nội dung của bài tập nhóm.

- Trình bày bài tập nhóm chiếm 20% điểm của bài tập nhóm (Tính theo Tiêu chí đánh giá 2)

- Nội dung bài tập nhóm chiếm 60% điểm của bài tập nhóm (Tính theo Tiêu chí đánh giá 2)

Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(0.25-4.0)	(4.1-6.0)	(6.1-8.0)	(8.1-10,0)	
Làm việc nhóm	Không xác định nhiệm vụ và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm. Không nộp bài tập nhóm	Xác định nhiệm vụ không rõ ràng và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn	Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng đánh giá khá chính xác cho các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn	Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn	Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn	**20%**
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ,	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font	**20%**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(0.25-4.0)	(4.1-6.0)	(6.1-8.0)	(8.1-10,0)	
		(font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	
Nội dung bài tập	Không có bài tập.	Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	**60%**

b. Bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân được đánh giá gồm 3 thành phần điểm:

- Nộp bài tập chiếm 20% điểm của bài tập cá nhân (Tính theo Tiêu chí đánh giá 3). Sinh viên không tham gia làm việc nhóm thì không được tính điểm nội dung của bài tập nhóm.

- Trình bày bài tập chiếm 20% điểm của bài tập cá nhân (Tính theo Tiêu chí đánh giá 3)

- Nội dung bài tập chiếm 60% điểm của bài tập cá nhân (Tính theo Tiêu chí đánh giá 3)

Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(0.25-4.0)	(4.1-6.0)	(6.1-8.0)	(8.1-10.0)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao. Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Đúng thời gian quy định	**20%**
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	**20%**
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	**60%**

7.2.3. Kiểm tra viết

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

7.2.4. Kiểm tra trắc nghiệm

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

7.2.5. Thực hành

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

7.2.6. Vấn đáp

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

7.2.7. Đánh giá Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Tiêu chí đánh giá 4: Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC 1	**MỨC 2**	**MỨC 3**	**MỨC 4**	**MỨC 5**	
	(0)	**(0.25-4.0)**	**(4.1-6.0)**	**(6.1-8.0)**	**(8.1-10.0)**	
Quá trình thực tập và liên hệ với GVHD	Không đi thực tập và không liên hệ với GVHD	Hiếm khi đi thực tập và hiếm khi liên hệ với GVHD	Thỉnh thoảng đi thực tập và Thỉnh thoảng liên hệ với GVHD	Thường xuyên đi thực tập và thường xuyên liên hệ với GVHD	Tích cực đi thực tập và thường xuyên liên hệ với GVHD	30%
BCTTTN giữa kỳ	< 70% nội dung theo kế hoạch	Từ 70% nội dung theo kế hoạch và trình bày theo cầu.				**20%**
BCTTTN cuối kỳ						**50%**
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	***45%***
Hình thức của báo cáo	Hình thức trình bày không khoa học, nhiều lỗi	Hình thức trình bày còn một số nội dung chưa khoa học. Nhiều lỗi chính tả. Kỹ năng soạn thảo	Hình thức trình bày còn một số nội dung chưa khoa học, còn một số lỗi về chính tả.	Hình thức trình bày khoa học, còn một số lỗi về chính tả.	Hình thức trình bày khoa học. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản tốt.	**5%**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4	MỨC 5	
	(0)	(0.25-4.0)	(4.1-6.0)	(6.1-8.0)	(8.1-10.0)	
	chính tả. Kỹ năng soạn thảo văn bản còn yếu	văn bản còn kém				

7.3. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

8.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT QTKD

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
1.	Bùi Như Hiển	18/09/1985	Nam	Tiến sĩ	Quản lý doanh nghiệp
2.	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Nam	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
3.	Đặng Thị Ngọc Anh	17/05/1982	Nữ	Thạc sĩ	Tiếng Anh
4.	Đinh Hồng Linh	23/10/1982	Nam	Tiến sĩ	Kinh doanh
5.	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988	Nữ	Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử
6.	Đỗ Thị Hoàng Yến	07/10/1988	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
7.	Dương Thanh Hảo	01/08/1990	Nữ	Thạc sĩ	Tiếng Anh
8.	Dương Thị Hương	26/02/1988	Nữ	Tiến sĩ	Triết học
9.	Dương Thu Vân	14/08/1991	Nữ	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
10.	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
11.	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
12.	La Quí Dương	04/01/1986	Nam	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
13.	Lê Huy Hoàng	11/03/1986	Nam	Thạc sĩ	Tiếng Anh
14.	Ma Thị Huyền Nga	15/12/1989	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế
15.	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Nữ	Tiến sĩ	Thương mại
16.	Ngô Thị Minh Ngọc	09/01/1987	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
17.	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982	Nam	Thạc sĩ	Quản trị doanh nghiệp
18.	Nguyễn Đức Thu	08/06/1966	Nam	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
19.	Nguyễn Hải Khanh	07/10/1984	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
20.	Nguyễn Nam Hà	14/02/1962	Nam	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất - Huấn luyện thể thao

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
21.	Nguyễn Ngọc Bính	06/05/1987	Nam	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
22.	Nguyễn Như Trang	22/06/1986	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
23.	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	Nam	Tiến sĩ	Khoa học quản lý và Công trình
24.	Nguyễn Thanh Minh	17/09/1957	Nam	Tiến sĩ	Kinh tế
25.	Nguyễn Thảo Nguyên	10/04/1990	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế
26.	Nguyễn Thị Kim Nhung	08/10/1982	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
27.	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1990	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế
28.	Nguyễn Thị Thu Hà	18/10/1989	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
29.	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Nữ	Tiến sĩ	Quản trị công
30.	Nguyễn Tiên Phong	05/12/1966	Nam	Thạc sĩ	Giáo dục học
31.	Nguyễn Vân Anh	09/10/1978	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
32.	Nguyễn Vũ Phong Vân	12/07/1986	Nữ	Thạc sĩ	Tiếng Anh
33.	Nông Thị Dung	16/01/1981	Nữ	Thạc sĩ	Quản trị doanh nghiệp
34.	Phạm Thị Hồng	15/12/1988	Nữ	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp
35.	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984	Nữ	Tiến sĩ	Kinh tế học
36.	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Nam	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
37.	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	Nữ	Thạc sĩ	Kinh tế Nông nghiệp
38.	Trần Quang Huy	14/05/1962	Nam	PGS.TS	Kinh tế nông nghiệp
39.	Trần Thị Mai Linh	02/11/1990	Nữ	Thạc sĩ	Toán học
40.	Trần Thị Phương Hạnh	24/11/1986	Nữ	Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học
41.	Trần Thị Vân Anh	08/09/1987	Nữ	Thạc sĩ	Kinh tế Nông nghiệp
42.	Trần Thị Xuân	04/02/1984	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
43.	Trần Văn Dũng	20/05/1963	Nam	Thạc sĩ	Kinh tế
44.	Trần Văn Giảng	06/09/1984	Nam	Tiến sĩ	Triết học

8.2. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo

- Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng.

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành (P.502, P.503, P.504, P.405)	Máy tính, máy in, máy chiếu, điều hòa, hệ thống trang âm loa + mic, các phần mềm phục vụ đào tạo
2	Phòng học ngoại ngữ (P.501)	Máy tính, máy in, máy chiếu, điều hòa, hệ thống trang âm loa + mic, các phần mềm phục vụ đào tạo

- Thư viện, trang Web.

TT	Nhóm ngành đào tạo	Sách giáo trình	Cơ sở dữ liệu điện tử	Cơ sở dữ liệu điện tử (Sách tham khảo ngoại văn)	Tạp chí
1	Khối ngành III	29241	141	105	1128

9. Đề cương chi tiết các học phần *(Phụ lục 3)*

10. Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về các học phần được rà soát và điều chỉnh *(Phụ lục 4)*

11. Tổ chức thực hiện

CTĐT QTKD được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 (Khóa 19)

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết và thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu, đáp ứng CĐR CTĐT, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

CTĐT được rà soát và cập nhật 02 (hai) năm một lần hoặc khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa nộp bản báo cáo về Trường (qua Phòng Đào tạo) để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

Phụ lục 1: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh

Phụ lục 2: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh

Phụ lục 3: Đề cương chi tiết các học phần

Phụ lục 4: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về các học phần được rà soát và điều chỉnh